

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN SÔNG HẬU 1**

Số: 1359 /NMĐSH1-TM

V/v cung cấp báo giá “Mua sắm khí thực hiện
phòng mòn, thông thổi, phân tích và hiệu chuẩn
năm 2026”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 17 tháng 6 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (NMNĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị cung cấp hàng hóa “Mua sắm khí thực hiện phòng mòn, thông thổi, phân tích và hiệu chuẩn năm 2026”. NMNĐ Sông Hậu 1 đề nghị đơn vị quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho công tác mua sắm hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: Chi tiết như phụ lục đính kèm.
2. Thời gian cung cấp hàng hóa: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
3. Địa điểm thực hiện công việc: Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 15h00 ngày 01 / 7 /2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.

7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại - NMNĐ Sông Hậu 1

Địa chỉ: ấp Phú Xuân, xã Châu Thành, TP Cần Thơ

Email: huongpt02@pvpgb.vn; giangtth@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn;
hunglt@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMNĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1: N.V.Chính (để b/c);
- Lưu: VT, TM (P.T.H.02).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Đính kèm Công văn số: 1359/NMĐSH1-TM, ngày 17 / 6 /2026)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
I.	KHÍ THÔNG THOẢI, PHÂN TÍCH, BDSC					
1	Argon	Dung tích chai chứa: 40 – 47 lít. Độ tinh khiết: 99.99% Áp suất khí: 150 bar	-	Việt Nam	Chai	100
2	Oxy	Dung tích chai chứa: 40 – 47 lít. Độ tinh khiết: 99.99% Áp suất khí: 150 bar	-	Việt Nam	Chai	161
3	Bình gas	Trọng lượng vỏ: 13.0 – 14.0 kg Trọng lượng gas: 12.0kg+/- 100gr	Petro Vietnam	Việt Nam	Bình	40
4	CO ₂	Dung tích chai chứa: 40 – 47 lít. Độ tinh khiết: 99.99% Khối lượng nạp 25 – 29 kg	-	Việt Nam	Chai	145
5	Oxy (141)	Thể tích 14 lít – 2m ³ khí Oxy Áp suất làm việc 150 bar	-	Việt Nam	Chai	20
6	Argon (141)	Thể tích 14 lít – 2m ³ khí Argon Áp suất làm việc 150 bar	-	Việt Nam	Chai	20
7	Khí N ₂	Độ tinh khiết 99.995%, 47 lit/150 bar	-	Việt Nam	Bình	26
8	Khí Heli + vỏ	Độ tinh khiết 99.995%, 40 lit/150 bar	Global Gases	-	Chai	12
II	KHÍ CHUẨN					

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
9	Khí chuẩn O ₂ 21%	1. Khí chuẩn: 21 % O₂, N₂ balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 120-144bar hoặc 1.4-2.5 m³. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích 10-16 lít; Vật liệu bình: Steel/Steel-A/Aluminum; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	2
10	Khí chuẩn SO ₂ 500 ppm	1. Khí chuẩn: 500 ppm SO₂, N₂ balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 120-144 bar hoặc 1.4-2.5 m³. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Steel/Steel-A/Aluminum; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	6

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
11	Khí chuẩn NO _x 900 ppm	1. Khí chuẩn: 900 ppm NO_x, N₂ balance, độ chính xác 2%; Áp suất nạp: 120-144bar hoặc 1.4-2.5 m³. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Aluminum; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	6
12	Khí chuẩn CO 1500 ppm	1. Khí chuẩn: 1500 ppm CO, N₂ balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 120-144bar hoặc 1-2.5 m³. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Aluminum/Aluminum-C; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	6



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
13	Khí chuẩn CO ₂ 22%	1. Khí chuẩn: 22 % CO₂, N₂ balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 100- 138bar hoặc 1.4-2.5 m³. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-16 lít; Vật liệu bình: Steel /Steel-A/Aluminum; Áp suất thử 250 bar; Áp suất làm việc: 150 bar; Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	2
14	Khí chuẩn 10 ppm Nitric Oxide, 10 ppm Sulfur Dioxide trong N ₂	1. Khí chuẩn: 10 ppm Nitric Oxide, 10 ppm Sulfur Dioxide, N₂ balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 10-15 Mpa ở 25 độ C hoặc 2.5-3m³. 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-29 lít; Vật liệu bình: Aluminum/Aluminum – C; Áp suất thử: 25 MPa; Áp suất nạp: 150 bar Adapter để nối các thiết bị hiện hữu; Liên kết chuẩn N.I.S.T; Kiểm định an toàn.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	2

Handwritten signature

Handwritten mark



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật/ Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng
15	Khí chuẩn 10 ppm Nitrogen Dioxide trong N ₂	1. Khí mẫu: 10μmol/mol Nitrogen Dioxide, N ₂ balance, độ chính xác 1-2%; Áp suất nạp: 12-15 MPa ở 25 độ C hoặc 3.9-4.2m ³ . 2. Bình chứa và van đầu chai: Thể tích: 10-29 lít; Áp suất thử: 25 MPa; Vật liệu bình: Aluminum/Aluminum – C; Liên kết chuẩn N.I.S.T.	Rigas/Air Liquide	-	Bình	2

Yêu cầu khác:

- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Đối với khí công nghiệp từ STT 1 đến STT 7 giao hàng trong vòng 7 ngày từ ngày Nhà máy đề nghị cấp hàng;
- Nhà sản xuất nêu trên là tham khảo, Nhà thầu có thể chào đúng loại và nhà sản xuất như trên hoặc chào hàng tương đương về Thông số kỹ thuật hoặc tốt hơn;
- Xuất xứ: Nhà thầu đề xuất đầy đủ xuất xứ các danh mục nêu trên khi chào giá;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA) (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày nhưng không dài hơn 550 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa (đối với hàng hóa lưu kho).
- * Lưu ý: để thuận tiện và thống nhất trong quá trình xem xét đánh giá bằng chào giá, đề nghị nhà cung cấp áp dụng mức thuế suất GTGT là 10% cho tất cả các hàng hóa.

